

Bản án số: 69/2024/HS-ST
Ngày: 20/8/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXHS – ST ngày 15 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/HST – QĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; Con ông Nguyễn Văn V và bà Vũ Thị Đ. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2023 đến ngày 02/01/2024, sau đó được chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1955, địa chỉ: Thôn L, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Người chứng kiến: Anh Chu Văn P, sinh năm 1962. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 26/12/2023, Nguyễn Văn T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A11 màu đen đăng nhập tài khoản facebook của T có tên “Than Nguyen” được đăng ký bằng số điện thoại 0942.364.746 truy cập vào mạng xã hội facebook để tìm việc làm. Thân nhân tin nói có nhu cầu tìm việc làm với một người phụ nữ có tài khoản facebook là “Bảo”, người này cho T số

điện thoại 0528.146.783 và bảo T kết bạn zalo với số điện thoại trên để nói chuyện về việc tìm việc làm. Thân sử dụng tài khoản zalo “Than Nguyen” được đăng ký bằng số điện thoại 0964.146.021 kết bạn với tài khoản zalo tên “Npp Bia” được đăng ký bằng số điện thoại 0528.146.783 của đối tượng tự giới thiệu là T1 ở T - Hải Dương. Sau đó, T1 gọi điện cho T hẹn đến khu vực cầu G thuộc địa phận thành phố H - tỉnh Hải Dương để nói chuyện, T đồng ý rồi thuê xe taxi (không rõ biển số) đến khu vực cầu G gặp T1, T1 bảo T đi làm bốc vác cho T1, thấy T đồng ý thì T1 hẹn 07 giờ sáng ngày 27/12/2023 T đến cầu G có người đón. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 27/12/2023, T đi xe bus đến cầu G gọi zalo cho T1 thì T1 nói “Cứ đứng ở gầm cầu đây tí có người chạy xe qua đón”. T đứng chờ khoảng 10 phút thì có đối tượng tự giới thiệu là C (không rõ họ tên đệm, tuổi và địa chỉ) đi xe máy nhãn hiệu Honda loại Airblade màu trắng đỏ (không rõ biển số) đến, C chở T đi đến quán ăn sáng ở xã Q - thị xã K - tỉnh Hải Dương thì gặp T1 đi xe máy nhãn hiệu Honda loại SH màu trắng biển số 34B2-399.99, T1 nói “để anh đi trước tìm phòng trọ cho, tìm được anh sẽ gọi cho 02 người đi xe máy vào”. Sau khi T và C ăn sáng xong, T1 gọi điện cho C bảo C chở T vào khu phòng trọ của gia đình ông Hoàng Văn H, sinh năm 1955, địa chỉ: Thôn L, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Khoảng 09 giờ 30 phút, C chở T đến nơi, C đứng ở ngoài cổng với T1 còn T đi vào gặp ông H thuê phòng trọ số 11 để ở với giá 700.000 đồng. Sau đó, T ra cổng gọi T1, C vào, T cất balo quần áo xong thì C nói với T “anh em mình ra quán mua ít giấy vụn”, T đồng ý. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T và C đi ra một quán tạp hóa (không nhớ tên, địa chỉ) cách đó khoảng 2km mua được 11 kg giấy vụn học sinh mang về phòng trọ thì C và T1 nói chuyện với nhau về việc quán pháo nổ để bán đồng thời nói với T giúp C, T1 ngồi cất giấy để C, T1 quán pháo, T đồng ý. Lúc này, C ra mở cốp xe máy của C lấy 02 chiếc kéo bọc nhựa tay cầm màu đỏ, 01 ống kim loại sáng màu, 01 tovit, 01 lọ keo 502, 01 lọ keo dán giấy mang vào phòng trọ. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T dùng kéo cắt giấy, T1 và C ngồi quán vò pháo. Quá trình T ngồi cắt giấy thì có số điện thoại 0343.719.106 nhắn tin đến số điện thoại 0964.146.021 của T hỏi “anh T còn pháo k mai để em 8 cân mai em bán cho khách đặt”, số điện thoại 0339.858.432 nhắn tin đến số điện thoại 0964.146.021 của T “cho e thêm 5kg tong 10kg. Ngay kia lay nhé”, số điện thoại 0936.956.237 nhắn tin đến số điện thoại 0964.146.021 của T “cho e nửa cân thuốc pháo bên ngoài” bán cho e ít ngoài nữa” “công nghiệp điện kinh môn” “có pháo cũ ko a” “cho e ít giấy đỏ” “bán cho e mấy cân pháo cũ”, Thân nhắn lại xác nhận đồng ý bán pháo cho các số điện thoại trên. Sau đó, C điều khiển xe máy của C chở T đi ra khu vực cổng khu đô thị B thuộc xã Q - thị xã K gặp một đối tượng không rõ họ tên, tuổi và địa chỉ đi xe máy nhãn hiệu Honda loại Airblade (không rõ biển số), người này đưa cho C 01 bao dứa màu trắng bên trong có chứa thuốc pháo, dây dẫn và giấy đỏ, C đưa cho T ngồi sau cầm rồi cả hai đi về phòng trọ thì T1 nói với T và C “hai anh em cứ quán đi, anh đi lấy đệm

và chặn tối ngủ”. Lúc này, C lấy thuốc pháo đổ vào trong vỏ pháo đã quấn sẵn và lấy keo 502 dán kín một đầu, đầu còn lại lấy dây dẫn gắn vào sau đó đổ keo, T dùng tô vít ấn kín một đầu vỏ pháo, tổng số pháo T, C và T1 làm được là 54 quả pháo (có đặc điểm là vật hình trụ màu trắng). Khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, C bảo T cắt giấy đỏ để quấn bên ngoài các quả pháo còn C đi ra ngoài mua cơm (khi đi C mang theo 01 chiếc kéo và 01 chiếc tô vít). Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đang ngồi quấn giấy đỏ vào các quả pháo thì Tổ công tác thuộc Công an thị xã K phối hợp với Công an xã Q kịp thời phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: thu tại giường Nguyễn Văn T đang ngồi: 21 vật hình trụ kích thước trung bình (15x5)cm, màu đỏ và 33 vật trụ màu trắng kích thước trung bình (13x6)cm một đầu gắn ngòi dẫn cháy, có trọng lượng 12,5kg (được niêm phong ký hiệu M1); 01 túi nilon màu trắng, viền mép đỏ kích thước (15x25)cm bên trong chứa chất bột màu xám, có trọng lượng 300gam (được niêm phong ký hiệu M2); 01 chiếc kéo bọc nhựa tay cầm màu đỏ, 01 lọ keo 502, 01 lọ keo dán giấy, 04 mảnh giấy đỏ, 03 đoạn dây dẫn được quấn bằng nilon màu trắng.

Hồi 17 giờ 20 phút ngày 27/12/2023, Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 màu đen bên trong gắn thẻ sim số 0964.146.021.

Tại Kết luận giám định số 24/KL-KTHS ngày 31/12/2023 của Phòng K - Công an tỉnh H, kết luận: 21 vật hình trụ tròn, kích thước tương tự nhau cao 15cm, đường kính 5cm, bên ngoài quấn bằng giấy nhiều lớp, lớp ngoài cùng màu đỏ, hai đầu được bịt kín, một đầu có gắn dây dẫn, tất cả đều là pháo nổ, khối lượng là 4,073kg; 33 vật hình trụ tròn, kích thước tương tự nhau cao 13cm, đường kính 6cm, bên ngoài quấn bằng giấy nhiều lớp, hai đầu được bịt kín, một đầu có gắn dây dẫn, tất cả đều là pháo nổ, khối lượng là 8,358kg; Chất bột màu xám gửi giám định là thuốc pháo, khối lượng 0,271kg. H1 lại đối tượng giám định: Sau khi trích 04 vật hình trụ tròn có khối lượng 0,938kg, 03g chất bột màu xám phục vụ giám định, trả lại mẫu vật sau giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K quản lý.

Tại Bản Cáo trạng số 45/CT - VKS ngày 31/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Sản xuất hàng cấm*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.
- Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- *Đề nghị áp dụng*: điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c

khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

- *Tuyên bố*: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Sản xuất hàng cấm*”.

- *Đề nghị xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/12/2023.

Ngoài ra vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng, án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã K; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo*: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Do cần việc làm, bị cáo T đã lên mạng tìm việc làm và liên hệ được người đàn ông tên T1. Ngày 27/12/2023, T gặp T1 và một người đàn ông tên C, đưa đến thuê phòng trọ tại xã Q, thị xã K. Tại phòng trọ, T1, C bảo T giúp T1, C quán pháo nổ để bán, T1 đồng ý. Đến trưa cùng ngày, khi T đang cất giấy để quán pháo thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ 12,431 kg pháo nổ, 0,271 kg thuốc pháo.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản niêm phong, Biên bản xác định trọng lượng pháo, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 27/12/2023, tại phòng số 11 thuộc khu nhà trọ của ông Hoàng Văn H ở thôn L, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn T có hành vi sản xuất trái phép 12,431 kg pháo nổ để bán. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác thuộc Công an thị xã K phối hợp với Công an xã Q kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng hóa bị cấm, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được pháo là loại hàng hóa

Nhà nước cấm kinh doanh, song do muốn có tiền để chi tiêu và không làm chủ được bản thân nên bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Tuy nhiên, xem xét diễn biến về hành vi, cũng như nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo để khi quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, hậu quả, mức độ của hành vi, cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

5] *Hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 190 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có công việc và thu nhập. Do vậy, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Trách nhiệm dân sự*: Anh Hoàng Văn H là chủ nhà trọ cho bị cáo thuê phòng. Tại phiên tòa, bị cáo khai là người thuê phòng trọ và có trách nhiệm trả tiền. Kết quả quá trình điều tra xác định, khi cho thuê anh Hoàng Văn H không biết bị cáo T, thuê phòng sử dụng vào việc phạm tội. Anh H chưa được trả tiền thuê phòng, song số tiền không nhiều anh H không yêu cầu bị cáo phải trả tiền thuê phòng nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án.

[7] Xử lý vật chứng:

+ Số pháo thu giữ trong vụ án, mẫu hoàn lại sau giám định đã được tiêu hủy theo biên bản về việc tiêu hủy vật chứng ngày 24/5/2024 nên không đặt ra xử lý.

+ Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A11 màu đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra xác định, quá trình bị cáo sản xuất pháo, có một vài số điện thoại nhắn tin liên hệ đặt mua pháo. Xác định chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho phát mại để sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01 Sim điện thoại (*lắp trong chiếc điện thoại Sam Sung A11*), xác định không có giá trị sử dụng, cần tịch thu cho tiêu hủy.

+ Đối với 01 chiếc kéo bọc nhựa; 01 lọ keo dán giấy; 04 mảnh giấy đỏ; 03 đoạn dây dẫn (*được quấn bằng nilon màu trắng*) đây là công cụ bị cáo sử dụng vào phạm tội, xác định không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của bị cáo, T sử dụng tài khoản facebook có tên “Than Nguyen” được đăng ký bằng số điện thoại 0942.364.746 nhắn tin vào tài khoản facebook tên “B” để tìm việc làm, người này cho T số điện thoại 0528.146.783 để kết bạn với tài khoản Zalo “Npp Bia” của T1. Sau đó có một người đàn ông giới thiệu tên là C đi xe máy nhãn hiệu Airblade (*màu trắng đỏ, không rõ biển số*) chở T đến khu vực xã Q để gặp T1. Khi gặp, T thấy T1 đi xe nhãn hiệu Honda loại SH màu trắng biển số 34B2-399.99, T1 là người tìm phòng trọ, còn T là người trực tiếp thuê phòng trọ. Trong đó, C là người chuẩn bị các công cụ rồi cùng T đi mua giấy học sinh, cùng T đi lấy thuốc pháo, giấy đỏ, dây dẫn tại khu đô thị Đ. T, T1, C cùng nhau quần pháo tại phòng trọ. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K tiến hành xác minh thông tin tài khoản facebook, Z như trên nhưng chưa xác định được.

Đối với số thuê bao số điện thoại 0528.146.783, kết quả tra cứu xác định đứng tên thuê bao là chị Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1986, trú tại: Ngõ Đ, T, C, Phú Thọ. Đối với chiếc xe máy biển số 34B2 -399.99 là của anh Nguyễn Đức H2, sinh năm 1975, trú tại: số A T - thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Quá trình điều tra, chị T2 khai không sử dụng số điện thoại trên, không cho ai mượn thông tin để đăng ký, không quen biết với T. Anh H2 khai không cho ai mượn xe máy biển số 34B2-399.99 vào ngày 27/12/2023, không có ai mượn thông tin để đăng ký xe, không bị mất giấy tờ cá nhân. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K đã tiến hành rà soát Camera tại khu vực nhà trọ nơi bị cáo thuê trọ, rà soát Camera tại khu vực công khu đô thị Đ; cho bị cáo cho T nhận dạng đối với chủ phương tiện xe BKS 34B2-399.99, bị cáo Thân xác định anh Nguyễn Đức H2 không phải là người đàn ông T1 điều khiển xe máy biển số 34B2-399.99 vào ngày 27/12/2023. Kết quả quá trình điều tra, không xác định được họ tên đệm, địa chỉ của các đối tượng C, T1, đối tượng đưa thuốc pháo và người phụ nữ có tài khoản Facebook tên “B”. Đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K không có căn cứ xử lý, tuy nhiên, cần kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K, tiếp tục điều tra xác minh làm rõ đối tượng T1, C và các đối tượng liên quan để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các số thuê bao nhắn tin đến số điện thoại của bị cáo T để mua pháo gồm số 0343.719.106, 0339.858.432, 0936.956.237. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K đã tiến hành thu giữ điện tín đối với các số điện thoại trên. Kết quả tra cứu, người đăng ký số điện thoại 0343.719.106 là chị Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1971, trú tại: phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đăng ký số điện thoại 0339.858.432 là anh Lục Văn B1, sinh năm 1974, trú tại: T, T, N, Thanh Hóa. Người đăng ký số điện thoại 0936.956.237 là anh Lê Hoàng Tiểu L, sinh năm 2006, trú tại: C, C, B, Hải Dương. Quá trình điều tra, chị Á, anh B1 khai trước đây có sử dụng số điện thoại này nhưng khoảng đầu năm 2022 đến nay chị Á, anh B1 đã bỏ số điện thoại này không sử dụng nữa

và không biết ngày 27/12/2023 ai là người sử dụng số điện thoại trên. Đối với thuê bao đăng ký tên anh Hoàng Tiến L1, anh L1 khai trước đây có sử dụng số điện thoại này nhưng khoảng giữa tháng 12 năm 2023 anh L1 bị rơi điện thoại mất sim, hiện nay anh L1 đã sử dụng số điện thoại khác, anh không biết ngày 27/12/2023 ai là người sử dụng số điện thoại trên. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K không có căn cứ để xử lý.

Đối với số điện thoại 0942.364.746, 0964.146.021 của Nguyễn Văn T, kết quả thu giữ điện tín xác định: người đăng ký sử dụng số điện thoại 0942.364.746 là cụ Vũ Thị S, sinh năm 1938, trú tại: Đ, C, Hải Dương (*là bà ngoại của T*), người đăng ký sử dụng số điện thoại 0964.146.021 là bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1970, trú tại: Đ, C - Hải Dương (*là mẹ đẻ của T*). Quá trình điều tra, cụ S, bà Đ khai đã cho T số điện thoại trên để T sử dụng, cụ S và bà Đ không biết việc T sử dụng số điện thoại trên vào việc phạm tội. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K không đặt ra việc xử lý đối với cụ S, bà Đ là phù hợp. Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ:** điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- **Căn cứ:** điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- **Căn cứ:** Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Sản xuất hàng cấm*”.

2. *Về hình phạt chính:* Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 14 (*mười bốn*) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 27/12/2023.

3. *Xử lý vật chứng:*

+ Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn T chiếc điện thoại di động S1 A11 cho phát mại để sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01 Sim điện thoại (*lắp trong chiếc điện thoại Sam sung A11*); 01 chiếc kéo bọc nhựa; 01 lọ keo dán giấy; 04 mảnh giấy đỏ; 03 đoạn dây dẫn (*được quấn bằng nilon màu trắng*), xác định không có giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy.

(*Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/8/2024 giữa Công an thị xã K và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn*).

4. *Án phí:* Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan điều tra CA thị xã Kinh Môn;
- THA hình sự công an thị xã Kinh Môn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HD;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh